| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHIÊM HÓA**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Bà Trần Thị Sáu.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá*** tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 318/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi về con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023.

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã H1, huyện Q, tỉnh Q1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Q, tỉnh Q1 theo quy định của pháp luật vào ngày 19/01/2009. Sau khi kết hôn chị L, anh H sinh sống tại thôn T, xã H1, huyện Q, tỉnh Q1. Trong thời gian chung sống chị L và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không còn phù hợp với nhau, mọi vấn đề trong cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn, không thể thống nhất hay đồng thuận. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng sự việc không thay đổi, chị L và anh H sống ly thân với nhau từ

năm 2010 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh H sinh được 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/8/2009, từ khi chị L và anh H sống ly thân cháu T1 ở cùng chị L. Chị L có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh Vũ Văn H trình bày: Về thời gian và địa điểm tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng, anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã H1, huyện Q, tỉnh Q1. Sau khi kết hôn anh và chị L sống tại thôn T, xã H1, huyện Q, tỉnh Q1, anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống, cách sinh hoạt giữa hai vùng miền khác nhau nên không thể hòa hợp. Khi đó anh H muốn chị L chuyển ra sinh sống tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhưng chị L không nhất trí nên anh H về quê sống một mình, anh H và chị L đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, chị L xin ly hôn, anh H nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị L sinh được 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/8/2009. Khi ly hôn anh H nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trong đơn khởi kiện, bản tự khai. Anh Vũ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trong bản tự khai, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; các đương sự xin xét xử vắng mặt nên áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/8/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Anh Vũ Văn H không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn H; Anh Vũ Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2009 tại UBND xã H1, huyện Q, tỉnh Q1 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị L và anh H không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/8/2009 chị L và anh H đều có nguyện vong được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 của anh H, chị L đều xuất phát từ tình cảm của người bố, người mẹ đối với con và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T1 đang ở cùng chị L từ năm 2010 đến nay và có nguyện vọng được ở cùng chị L, cháu T1 còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị L hiện nay có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, nên cần giao cháu Vũ Nguyễn Văn T1 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh Vũ văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn), anh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* của chị Nguyễn Thị L.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn H.

**2**. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08/8/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3**. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0006060 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nay được chuyển thành tiền án phí. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Vũ Văn H không phải chịu án phí.

**4**. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã H1;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Bích Ngọc**